

se → LDR  
P<sub>1,2</sub>, VKS cung cấp  
WP

## VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/HD-VKSTC

*Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

HƯỚNG DẪN

Công tác kiểm sát bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhằm nâng cao số lượng, chất lượng kháng nghị, kiến nghị và thông báo rút kinh nghiệm của Viện kiểm sát nhân dân

Để thực hiện thống nhất, hiệu quả công tác kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án nhằm nâng cao số lượng, chất lượng kháng nghị, kiến nghị và thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và của Ngành, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn Viện kiểm sát nhân dân các cấp như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Thông qua kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án, phát hiện những vi phạm, thiếu sót trong giải quyết các vụ án hình sự để làm tốt nhiệm vụ kiến nghị, kháng nghị theo thẩm quyền; không để xảy ra trường hợp bản án, quyết định có vi phạm pháp luật nhưng không được phát hiện hoặc chậm phát hiện để kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu khắc phục vi phạm.

2. Thông báo rút kinh nghiệm trong Ngành về những vi phạm, thiếu sót đã được phát hiện qua kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự của Viện kiểm sát các cấp.

3. Đề cao trách nhiệm của Lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp, thủ trưởng các đơn vị giải quyết án hình sự trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án; kiểm sát 100% bản án, quyết định của Tòa án các cấp thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát cấp mình.

## **II. TRÌNH TỰ, NỘI DUNG KIỂM SÁT BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

#### **1. Tiếp nhận, quản lý bản án, quyết định của Tòa án**

- Viện kiểm sát nhân dân các cấp phải có hình thức cụ thể (mở sổ hoặc ứng dụng phần mềm) để tiếp nhận, quản lý chặt việc gửi, sao gửi bản án, quyết định của Tòa án theo quy định tại Điều 267 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 30 Quy chế Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phân công cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này, bảo đảm cập nhật, theo dõi đầy đủ, kịp thời các bản án, quyết định của Tòa án được gửi đến Viện kiểm sát cấp mình.

- Định kỳ đối chiếu số bản án, quyết định đã phát hành (số bản án, quyết định phải kiểm sát) với số bản án, quyết định của Tòa án được gửi đến Viện

kiểm sát cấp mình và thông báo cho Tòa án, Viện kiểm sát có trách nhiệm biết để thực hiện; nếu phát hiện trường hợp không gửi, chậm gửi hoặc gửi không đầy đủ bản án, quyết định thì phải kiến nghị yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục.

- Trường hợp phát hiện bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm nghiêm trọng cần phải kháng nghị ngay thì Lãnh đạo Viện kiểm sát phải cử Kiểm sát viên trực tiếp đến Tòa án lấy bản án, quyết định có vi phạm để xem xét kháng nghị theo quy định của pháp luật.

## **2. Phân công kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án**

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Thủ trưởng các đơn vị Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử vụ án hình sự chủ động lựa chọn hình thức phân công Kiểm sát viên nghiên cứu, kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị mình; việc kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án cùng cấp do Kiểm sát viên đã thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án đó thực hiện; việc kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới do Kiểm sát viên được phân công phụ trách theo địa bàn, lĩnh vực thực hiện. Đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, có thể thành lập Tổ công tác chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ này.

## **3. Nội dung kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án**

### *3.1. Kiểm sát hình thức của bản án, quyết định của Tòa án*

#### a. Về kiểm sát thẩm quyền xét xử của Tòa án

Kiểm sát viên căn cứ vào nội dung vụ án, nhân thân bị cáo, tính chất của hành vi phạm tội để xác định thẩm quyền xét xử sơ thẩm theo loại tội (Tòa án cấp tỉnh hay cấp huyện), thẩm quyền theo loại việc (Tòa án nhân dân hay Tòa án quân sự) và thẩm quyền theo lãnh thổ (Tòa án nhân dân tỉnh A hay Tòa án nhân dân tỉnh B) được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự.

#### b. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa

Kiểm sát viên căn cứ vào ngày thụ lý vụ án để xác định thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo loại tội có đúng quy định tại các khoản 1, 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng hình sự không; đồng thời căn cứ vào ngày Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để xác định thời hạn mở phiên tòa có đúng quy định tại khoản 3 Điều 277 Bộ luật tố tụng hình sự không. Trường hợp phiên tòa được hoãn hoặc tạm dừng thì thời hạn mở lại phiên tòa có đúng quy định tại Điều 297 Bộ luật tố tụng hình sự không.

Kiểm sát viên căn cứ vào ngày Tòa án nhận được hồ sơ vụ án để xác định thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, thời hạn mở phiên tòa phúc thẩm có đúng quy định tại Điều 346 Bộ luật tố tụng hình sự không.

Kiểm sát viên căn cứ vào ngày Tòa án có thẩm quyền nhận được quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm để xác định thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm có đúng quy định tại Điều 385 Bộ luật tố tụng hình sự không.

### c. Thành phần Hội đồng xét xử

Đối với Hội đồng xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên căn cứ vào mức cao nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị đưa ra xét xử, để xác định thành phần Hội đồng xét xử có đúng quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật tố tụng hình sự không. Trường hợp vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, Hội thẩm nhân dân phải là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi theo quy định tại Điều 423 Bộ luật tố tụng hình sự.

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm có thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 254; Điều 382 Bộ luật tố tụng hình sự không.

Kiểm sát viên đối chiếu thành phần Hội đồng xét xử có đúng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án không. Trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi thành viên Hội đồng xét xử có thực hiện đúng quy định tại Điều 53 Bộ luật tố tụng hình sự không.

### d. Về việc xác định tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng

Khi nghiên cứu bản án, quyết định của Tòa án, Kiểm sát viên phải xác định việc Tòa án xác định tư cách những người tham gia tố tụng có đúng quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự không; việc tham gia tố tụng của người bào chữa trong trường hợp Bộ luật tố tụng hình sự quy định bắt buộc. Khi kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án, Kiểm sát viên phải kiểm sát kỹ nội dung này trên cơ sở đối chiếu những đặc điểm thực tế của chủ thể tham gia tố tụng với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự để xác định tư cách pháp lý tham gia tố tụng của họ; đồng thời, căn cứ vào Quyết định đưa vụ án ra xét xử để xác định tư cách, sự có mặt của người tham gia tố tụng có đúng với quyết định không.

Đối với những vụ án có bị cáo thuộc trường hợp chỉ định người bào chữa có thực hiện đúng quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự không. Trường hợp người bào chữa theo chỉ định vắng mặt, Hội đồng xét xử có thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự không.

### e. Kiểm sát thời hạn gửi bản án, quyết định của Tòa án

Bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm phải được Tòa án gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp; bản án hoặc quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm phải được Tòa án gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 262; khoản 2 Điều 395 Bộ luật tố tụng hình sự.

## 3.2. Kiểm sát nội dung của bản án, quyết định

### a. Đối với phần nội dung, nhận định của bản án

Căn cứ các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên phân tích, đánh giá phần nhận định của Hội đồng xét xử có phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và những chứng cứ, tài liệu liên quan không; nhận định của bản án có

phản ánh hết, có đánh giá đúng tính chất của hành vi phạm tội và mức độ hậu quả của tội phạm không; đối với các vụ án đồng phạm, có đánh giá đúng vai trò, mức độ lỗi của từng bị cáo không; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; quan điểm của Kiểm sát viên, ý kiến của những người tham gia tố tụng có được đánh giá đầy đủ, chính xác trong phần nhận định của bản án không. Kết luận của bản án đã phản ánh đúng với bản chất vụ án chưa, có căn cứ và đúng pháp luật không.

Đối với bản án phúc thẩm, Kiểm sát viên cần đổi chiêu phần quyết định của bản án sơ thẩm với nội dung kháng cáo, kháng nghị để thấy nhận định của bản án phúc thẩm về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị là có cơ sở hay không.

Đối với quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, Kiểm sát viên căn cứ nội dung vụ án, nội dung kháng nghị để đánh giá nhận định của Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng nghị là có cơ sở hay không. Đồng thời, kiểm sát về phạm vi xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

#### b. Đối với phần quyết định của bản án

Trên cơ sở phần nhận định của bản án, Kiểm sát viên đánh giá tính có căn cứ, tính hợp pháp của phần quyết định của bản án, theo đó: tội danh có phù hợp với dấu hiệu khách quan của hành vi phạm tội, hình thức lỗi của bị cáo không; hình phạt có phù hợp với tính chất của hành vi phạm tội và mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra không. Để đảm bảo nguyên tắc công bằng trong xét xử, Kiểm sát viên cần kiểm sát chặt chẽ quyết định hình phạt trong các trường hợp đặc biệt sau: phạm tội chưa đạt; quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; quyết định hình phạt khác quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; quyết định hình phạt đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Khi kiểm sát phần quyết định của bản án, Kiểm sát viên căn cứ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (nếu có) để kiểm sát việc Hội đồng xét xử tuyên trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt tù có thời hạn của bị cáo; việc tổng hợp hình phạt của nhiều tội, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án; việc áp dụng hình phạt bổ sung hoặc áp dụng các biện pháp tư pháp có đúng quy định của pháp luật hình sự không; việc nêu căn cứ áp dụng (quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự) có đầy đủ không.

#### c. Một số vấn đề cần lưu ý

- Việc xác định tội danh: Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ nội dung vụ án, nắm chắc diễn biến hành vi phạm tội, các tình tiết khách quan của vụ án để đánh giá mức độ phù hợp giữa tính chất của hành vi khách quan, ý thức chủ quan của bị cáo và các yếu tố khác của vụ án với các dấu hiệu pháp lý trong cấu thành của tội danh mà Tòa án đã kết án bị cáo, trên cơ sở đó khẳng định tội danh mà Tòa án xác định để kết án bị cáo có phù hợp với thực tế khách quan không, có đúng với quy định của pháp luật hình sự và tội danh Viện kiểm sát đã quyết định truy tố không.

- Việc áp dụng tinh tiết định khung hình phạt: Kiểm sát viên phải nắm chắc các yếu tố định lượng, định tính thông qua việc nghiên cứu nội dung vụ án, kết luận của cơ quan chuyên môn; đặc điểm nhân thân của bị cáo, trên cơ sở đó khẳng định khung hình phạt mà Tòa án dùng làm căn cứ để xác định loại và mức hình phạt đối với bị cáo có phù hợp với thực tế không.

- Việc áp dụng các tinh tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo: Đây là những tinh tiết có tác động đáng kể đến mức độ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đòi hỏi Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ, trên cơ sở đó khẳng định Tòa án đã xác định chính xác các tinh tiết này đối với bị cáo hay chưa; các tinh tiết thuộc khoản 1, khoản 2 của Điều luật phải được xác định rõ ràng. (Lưu ý: đối với Bản án phúc thẩm sửa án sơ thẩm phải có những tinh tiết giảm nhẹ mới làm căn cứ, lý do để sửa án và tính hợp pháp của tinh tiết đó).

- Việc áp dụng các quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc xác định trách nhiệm bồi thường dân sự, án phí, xử lý vật chứng và những vấn đề khác của vụ án; Kiểm sát viên phải nắm chắc các quy định của pháp luật liên quan để xác định quyết định của Hội đồng xét xử về các vấn đề này có căn cứ pháp luật hay không (chú ý nội dung xử lý vật chứng trong các vụ án chiếm đoạt tài sản, vụ án ma túy, vụ án đánh bạc với quy mô lớn, vụ án buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả...).

#### **4. Lập phiếu kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án**

Sau khi kết thúc việc kiểm sát hình thức và nội dung bản án, quyết định của Tòa án, Kiểm sát viên phải lập phiếu kiểm sát theo mẫu ban hành kèm theo Chỉ thị số 03/2008/CT-VKSTC-VPT1 ngày 19/6/2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; ghi đầy đủ thông tin theo từng tiêu chí để làm cơ sở cho việc báo cáo, xử lý; ghi rõ ý kiến, đề xuất của Kiểm sát viên, ý kiến của Lãnh đạo phụ trách; đồng thời lưu hồ sơ kiểm sát và gửi Viện kiểm sát cấp trên theo quy định.

#### **5. Đánh giá tính chất, mức độ vi phạm và đề xuất xử lý**

Sau khi phát hiện vi phạm, thiếu sót (nếu có), Kiểm sát viên phải đánh giá, phân loại tính chất, mức độ của vi phạm và báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Viện có biện pháp xử lý theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

##### *5.1. Ban hành kháng nghị phúc thẩm khi phát hiện bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật nghiêm trọng*

Căn cứ vào khoản 1, Điều 37 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự, Lãnh đạo Viện, Kiểm sát viên xác định mức độ vi phạm nghiêm trọng của bản án, quyết định của Tòa án và đề xuất kháng nghị phúc thẩm yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm để khắc phục. Thực tế cho thấy, một số dạng vi phạm nghiêm trọng của bản án, quyết định sơ thẩm cần kháng nghị phúc thẩm như: có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội; có căn cứ để kết án bị cáo về một tội phạm khác; có sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định tinh tiết định khung, tinh tiết tăng nặng,

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thành phần Hội đồng xét xử, người bào chữa. Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải chủ động phối hợp để làm tốt nhiệm vụ kháng nghị phúc thẩm; không để xảy ra tình trạng phát hiện vi phạm nghiêm trọng nhưng để quá hạn kháng nghị; trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm, Viện kiểm sát cấp huyện, cấp tỉnh phải báo cáo ngay cho Viện kiểm sát cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét kháng nghị giám đốc thẩm theo thẩm quyền.

#### *5.2. Ban hành kháng nghị giám đốc thẩm khi phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật nghiêm trọng dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong giải quyết vụ án*

Lãnh đạo, Kiểm sát viên căn cứ vào Điều 371 Bộ luật tố tụng hình sự để xuất kháng nghị giám đốc thẩm. Khi phát hiện kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án; có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật; đánh giá sự tác động của vi phạm nghiêm trọng đã phát hiện đối với việc giải quyết vụ án, bản chất vụ án, từ đó xác định có cần thiết phải báo cáo đề xuất kháng nghị giám đốc thẩm hay không.

Thực tiễn cho thấy, bản án, quyết định của Tòa án vi phạm nghiêm trọng dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong giải quyết vụ án, đó là: Bản án, quyết định kết tội oan người không có hành vi phạm tội; tuyên bị cáo không phạm tội không có căn cứ, trái pháp luật; xét xử bị cáo sai tội danh, hoặc sai khung hình phạt dẫn đến mức hình phạt Tòa án đã tuyên không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bỏ lọt tội phạm và người phạm tội; vi phạm giới hạn xét xử làm ảnh hưởng đến quyền bào chữa của bị cáo, quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; quyết định về vấn đề dân sự, xử lý vật chứng không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của người tham gia tố tụng... Việc đánh giá mức độ vi phạm nghiêm trọng cần được đặt trong từng vụ việc cụ thể trên cơ sở phân tích đầy đủ, toàn diện và thấu đáo nội dung, tình tiết của vụ án.

#### *5.3. Ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm*

Khi phát hiện bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm, nhưng chưa đến mức hoặc không cần thiết phải kháng nghị, Kiểm sát viên báo cáo đề xuất Lãnh đạo có kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục. Đối với những vi phạm mang tính phổ biến, kéo dài, Viện kiểm sát các cấp cần kiến nghị tổng hợp hoặc kiến nghị theo chuyên đề. Nội dung, đối tượng kiến nghị cần được cân nhắc, quyết định phù hợp với mục đích, yêu cầu của vấn đề cần kiến nghị.

#### *5.4. Ban hành thông báo rút kinh nghiệm về những vi phạm, thiếu sót trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án*

Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có trách nhiệm phát hiện, tổng hợp và thông báo rút kinh nghiệm về những vi phạm, thiếu sót liên quan đến trách nhiệm của Ngành; việc thông báo rút kinh nghiệm thực hiện đồng thời hoặc sau

khi kháng nghị, kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm; có thể thông báo rút kinh nghiệm tổng hợp hoặc thông báo rút kinh nghiệm cá biệt.

Đối với những vi phạm phát hiện được trong quá trình kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án, nhưng xét thấy chưa cần thiết phải kháng nghị, kiến nghị thì phải tập hợp, phân loại thành các dạng vi phạm để rút kinh nghiệm chung đối với Viện kiểm sát cấp dưới.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử hình sự Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tinh, thành phố trực thuộc Trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Hướng dẫn này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị Viện kiểm sát các cấp tổng hợp, báo cáo bằng văn bản về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 7) để được hướng dẫn, giải đáp./. *m*

*Nơi nhận:*

- Đ/c Viện trưởng VKSNDTC (để b/cáo);
- Các đ/c PVT VKSNDTC (để p/hợp chỉ đạo);
- Các Vụ THQCT và KSĐT VKSTC;
- Viện KSND cấp cao 1, 2, 3;
- Viện KSND các tinh, tp trực thuộc TW;
- Văn phòng VKSNDTC;
- Lưu VT (1b), Vụ 7 (3b)./.

KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



*Nguyễn Huy Tiến*

